

Biểu mẫu

NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /3/2026 của UBND xã Long Phụng)
NĂM 2026

Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (Km)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
I	Xã A							
1	Đường xã							
2	Đường trục thôn và đường liên thôn	345,84	B	2,2	990	990		
3	Đường ngõ, xóm	296,62		3,037	960	960		
		268,3	C	2,683	872	872		
		28,32	D	0,354	89	89		
4	Đường trục chính nội đồng							
...	TỔNG	642		5,24	1.950	1.950		

Ghi chú: Cấp đường thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu

NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
 GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG
 (Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /3/2026 của UBND xã Long Phụng)
 NĂM 2027

Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (Km)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
I	Xã A							
1	Đường xã							
2	Đường trục thôn và đường liên thôn	403	B	4,03	1.814	1.814		
3	Đường ngõ, xóm	63,7			207	207		
		63,7	C	0,637	207	207		
		0	D		-	-		
4	Đường trục chính nội đồng	114	C	1,14	371	371		
...	TỔNG	580,7		5	2.391	2.391		

Ghi chú: Cấp đường thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu

NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /3/2026 của UBND xã Long Phụng)
NĂM 2028

Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (Km)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
<i>I</i>	<i>Xã A</i>							
1	Đường xã							
2	Đường trục thôn và đường liên thôn	314,4	B	2	900	900		
3	Đường ngõ, xóm				0	0		
		63,7	C	0,637	0	0		
		0	D		-	-		
4	Đường trục chính nội đồng	220	C	2,2	715	715		
...	<i>TỔNG</i>	<i>534</i>		<i>4</i>	<i>1.615</i>	<i>1.615</i>		

Ghi chú: Cấp đường thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu

NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /3/2026 của UBND xã Long Phụng)

NĂM 2029

Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (Km)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
I	Xã A							
1	Đường xã							
2	Đường trục thôn và đường liên thôn	204,36	B	1,3	585	585		
3	Đường ngõ, xóm				0	0		
		13,5	C	0,135	0	0		
		0	D		-	-		
4	Đường trục chính nội đồng	92,5	C	0,925	301	301		
...	TỔNG	297		2,23	886	886		

Ghi chú: Cấp đường thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu

NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỀ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /3/2026 của UBND xã Long Phụng)
NĂM 2030

Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (Km)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
I	Xã A							
1	Đường xã							
2	Đường trục thôn và đường liên thôn	0	B	0	-	-		
3	Đường ngõ, xóm				0	0		
		0	C	0	0	0		
		0	D		-	-		
4	Đường trục chính nội đồng	175	C	1,75	569	569		
...	TỔNG	175		1,75	569	569		

Ghi chú: Cấp đường thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)

Biểu mẫu

NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /3/2026 của UBND xã Long Phụng)
GIAI ĐOẠN 2026-2030

Stt	Tên xã, loại đường	Nhu cầu hỗ trợ xi măng (tấn)	Cấp đường (A, B, C, D)	Chiều dài (Km)	Nguồn lực đối ứng (triệu đồng)			Ghi chú
					Ngân sách địa phương	Huy động nhân dân	Vốn khác	
I	Xã A							
1	Đường xã							
2	Đường trục thôn và đường liên thôn	1498,116	B	9,53	4.289	4.289		
3	Đường ngõ, xóm				89	89		
		396	C	3,96	0	0		
		28,32	D	0,354	89	89		
4	Đường trục chính nội đồng	601,5	C	6,015	1.955	1.955		
...	TỔNG	2523,936		19,859	6.332	6.332		

Ghi chú: Cấp đường thực hiện theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)